

Số: 8902/QĐ-XHNV

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 mang sang và dự toán ngân sách bổ sung năm 2025 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;  
Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV-TC, ngày 05 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động trong Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;  
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;  
Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;  
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/4/2025 của ĐHQGHN về việc giao dự toán chi đạo tạo LHS Lào và Campuchia năm 2025;  
Căn cứ Quyết định số 3231/QĐ-ĐHQGHN ngày 23/6/2025 của ĐHQGHN về việc giao dự toán vốn viện trợ năm 2025;  
Căn cứ Quyết định số 3269/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/6/2025 của ĐHQGHN về việc hướng dẫn nhiệm vụ chi NSNN đợt 3 năm 2025;  
Căn cứ bảng đối chiếu dự toán kinh phí Ngân sách 11 tháng ngày 4/12/2025;  
Xét đề nghị của Trường phòng Kế hoạch – Tài chính,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 mang sang và dự toán ngân sách bổ sung năm 2025 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trường Phòng Kế hoạch – Tài chính và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (Ban KHTC);
- Lưu: VT, KHTC.

HIỆU TRƯỞNG



Gs.Ts Hoàng Anh Tuấn

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 8902/QĐ-XXHNV ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phi, lệ phí	
1	Số thu phi, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phi được để lại	
2.1	Chi sử dụng ..... a) Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên b) Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ từ chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ từ chủ	
3	Số phi, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.095.794.428
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ từ chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ từ chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	1.243.356.300
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ, DHQG	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
	- Dự toán 2024 mang sang	1.243.356.300
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	

TT	Nội dung	Dự toán được giao
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	7.852.438.128
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	679.431.184
	Dự toán 2024 mang sang	1.435.431.184
	Tiết kiệm chi thường xuyên NQ 173	-756.000.000
3.2	Kinh phí cải cách tiền lương	1.460.000.000
	Dự toán 2024 mang sang	326.000.000
	Dự toán cấp 2025	1.134.000.000
3.3	Kinh phí đào tạo LHS Lào	3.251.000.000
3.4	Kinh phí vốn viện trợ	2.462.006.944
	Dự toán 2024 mang sang	157.836.944
	Dự toán cấp 2025	2.304.170.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	



TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

4